

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 01 - 2019
V/v xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc

Ông Nguyễn Xuân Thí

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Trần Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 924/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

NguY đơn: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm: 1974

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, Thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguY đơn: Ông Lê Minh T, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư HD, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm: 1976

Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã Q, Thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình

Hiện C trú tại địa chỉ: n D Si, Korea - Hàn Quốc. (Trong bản tự khai được đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc xác nhận ngày 05/07/2018 chị H có xin được giải quyết vắng mặt do điều kiện ở xa không về tham gia phiên toà được)

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Phạm Thị H giải quyết về tài sản: hành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Ông C, bà P có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm: 1963; Địa chỉ: xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm: 1935; Địa chỉ: Thôn N, xã Q, Thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hoà giải về phân chia tài sản nguyên đơn anh Nguyễn Quốc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị H kết hôn tự nguyện, đăng ký tại UBND xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vào ngày 06/01/1997. Năm 2011 do điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng đã bàn bạc để chị H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc và quan tâm đến nhau, chị H vẫn gửi tiền về để nuôi con. Năm 2016, vợ chồng nhất trí vay mượn tiền để làm thủ tục cho con gái đầu là cháu Nguyễn Thị Kim O đi du học tại Hàn Quốc. Anh T đã thế chấp nhà đất vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân N là 320 triệu đồng. Từ khi con gái sang Hàn Quốc cho đến nay, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thiếu tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên cãi vã mỗi khi liên lạc. Từ đó không ai quan tâm đến ai. Hiện tại anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Nguyễn Thị Kim O sinh ngày 12/4/1997, Nguyễn Thị Ngọc A sinh ngày 27/3/2002, Nguyễn Tiến L sinh ngày 04/10/2007. Sau khi ly hôn, con đầu là Nguyễn Thị Kim O đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết, còn hai con A và L mỗi người sẽ nuôi một đứa hoặc tùy theo ý muốn của các con lựa chọn sống cùng bố hoặc mẹ, người còn lại phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện, anh T trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, sau khi nhận được ý kiến của chị H gửi từ Hàn Quốc về, anh T thừa nhận vợ chồng có tài sản chung là một ngôi nhà 02 tầng với diện tích 120m² địa chỉ tại thôn N, xã Q làm trên thửa đất được mẹ anh T cho đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Quốc T. Theo giá thị trường hiện tại ngôi nhà có giá trị khoảng 1 tỷ 400 triệu đồng và một số vật dụng trong nhà.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ chung tại quỹ tín dụng nhân dân N với số tiền 320 triệu đồng, tiền lãi 0,78%/ tháng. Số tiền lãi trong hai năm là 60.736.000 đồng. Ngoài ra, do cuộc sống khó khăn, tiền lãi chồng chất nên anh đã mượn anh Nguyễn Văn Y (anh trai anh T) số tiền 30.000.000 đồng để trả tiền lãi, sau đó anh T lại xảy ra tai nạn phải vào điều trị tại bệnh viện Trung ương Huế nên anh vay tiếp của anh Nguyễn Văn Y số tiền 70.000.000 đồng để điều trị và trả tiền lãi cho quỹ tín dụng. Anh yêu cầu Toà án xem xét số tiền vay Quỹ tín dụng và khoản vay của anh Y là nợ chung của vợ chồng. Sau khi vợ chồng kết hôn mẹ anh T cho vợ chồng anh một mảnh đất để xây nhà ở, nay vợ chồng ly hôn phải trích lại số tiền 200.000.000 đồng trong số tài sản chung (tiền đất) để cho bà Ch (mẹ anh T) dưỡng già. Nguyên vọng của anh T sau ly hôn anh sẽ trả nợ ngân hàng và lấy nhà, sau đó xử lý các khoản nợ chung của vợ chồng nếu còn thì cho con trai Nguyễn Tiến Lộc.

Về phía bị đơn chị Phạm Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các thủ tục uỷ thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/7/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được bản tự khai của chị Phạm Thị H do bà Nguyễn Thị P (mẹ đẻ của chị H) nộp.

Qua bản tự khai được đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc xác nhận ngày 05/7/2018, chị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H nhất trí như trong đơn anh T trình bày. Sau khi chị sang Hàn Quốc xuất khẩu lao động, thời gian đầu vợ chồng anh chị vẫn liên lạc với nhau, chị H vẫn gửi tiền về để làm nhà, nuôi con, nhưng từ khi chị H biết anh T có người phụ nữ khác không chăm lo cho con cái, đánh đập và đuổi con đi khiến hai con phải xuống nhà ông bà ngoại ở 1 năm, nên chị đã gửi tiền về cho con gái để hai con tự sinh hoạt, mỗi lần chị gọi điện về nhà vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên chị không liên lạc nữa, nay chị cũng không còn tình cảm với anh T, việc anh T xin ly hôn chị hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Chị H cũng thừa nhận vợ chồng có 3 con chung như anh T trình bày. Sau khi vợ chồng chị ly hôn, chị để cho các con tự nguyện lựa chọn người trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu các con muốn ở với chị, chị cũng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ngoài nhà, đất như anh T khai, vợ chồng còn có các tài sản khác: 01 thuyền máy trị giá 42 triệu, 02 xe gắn máy trị giá 40 triệu, 01 tủ lạnh trị giá 15 triệu, 03 máy nóng lạnh trị giá 12 triệu, 01 tivi, nồi cơm điện trị giá 20 triệu. Sau khi ly hôn do chị ở xa nên không có điều kiện nhận nhà, đất nên để anh T sử dụng, sở hữu nhà đất và yêu cầu anh T giao tiền chênh lệch tài sản cho chị.

Về nợ chung: Vợ chồng anh chị có thể chấp nhà đất để vay vốn tại quỹ tín dụng nhân dân N với số tiền 310.000.000 đồng với mục đích cho cháu O đi du học tại Hàn Quốc. Chi phí du học 240.000.000 đồng nhưng anh T vay lên đến 310.000.000 đồng, đến giờ vẫn chưa có tiền để trả nợ cho quỹ tín dụng. Theo quan điểm của chị để cho quỹ tín dụng phát mãi tài sản bán trả nợ số tiền còn lại đề nghị Tòa án chia làm 3 phần, trong đó 1 phần cho con vì cả 3 con đang tuổi ăn học, hai phần còn lại chia đều cho hai vợ chồng anh chị.

Chị H cũng trình bày vì điều kiện ở xa nên chị không thể về Việt Nam, chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và uỷ quyền lại cho ông Phạm Xuân C và bà Nguyễn Thị P (là bố mẹ ruột của chị H) thay mặt chị H quyết định các vấn đề có liên quan đến tài sản.

Tại biên bản hoà giải về tài sản ngày 01/8/2018, ngày 11/9/2018 người đại diện theo uỷ quyền của chị Phạm Thị H, ông Phạm Xuân C, bà Nguyễn Thị P trình bày:

Giá trị tài sản nhà đất của anh T, chị H ông bà chỉ đồng ý với giá 1 tỷ đồng, ưu tiên anh T lấy nhà, nếu anh T không lấy thì ông bà lấy để cho các con anh T, chị H ở. Đối với khoản tiền 200.000.000 anh T và bà Ch yêu cầu trả tiền đất cho bà Ch, ông bà C không chấp nhận, chỉ chấp nhận trích 50.000.000 đồng từ tài sản chung cho bà Ch dưỡng già. Đối với vật dụng trong nhà nếu các con của anh T, chị H ở được trong nhà thì để cho các cháu dùng, nếu các cháu không ở trong nhà thì phải lấy đi để các cháu có cái dùng. Chiếc xuống máy anh T trình bày đã bán lo chạy chữa tai nạn nên ông bà cũng cho qua, không tính toán. Về khoản tiền lãi trước đó chị H đã gửi tiền về trả, chỉ chấp nhận giai đoạn sau này

anh T trả lãi một mình. Khoản tiền anh T vay để điều trị tai nạn ông bà không đồng ý, tự ai nấy lo vì trên thực tế, con cái đau ốm ở Hàn Quốc, chị H cũng phải tự vay mượn tiền chi trả nhưng không kê vào sổ nợ chung của vợ chồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Y trình bày:

Anh Nguyễn Quốc T đến nhà ông mượn tiền với tổng số tiền 100 triệu đồng, lần 1 vào tháng 4/2016 mượn 30 triệu để trả tiền lãi, lần 2 vào tháng 8/2017 mượn 70 triệu để trả lãi và chi trả tiền tai nạn. Yêu cầu Toà xem xét buộc hai vợ chồng phải trả cho ông số tiền trên, vì khi mượn hai vợ chồng chưa xảy ra mâu thuẫn.

Tại đơn trình bày đề ngày 05/8/2018 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ch trình bày:

Năm 2012 bà có tặng cho con trai của bà là anh Nguyễn Quốc T một phần đất của bà với diện tích 288m², nay vợ chồng anh T ly hôn, bà yêu cầu giải quyết trích cho bà một khoản tiền 200 triệu đồng để bà dưỡng già từ khối tài sản chung của anh T, chị H.

Ngày 21/9/2018 các cháu Nguyễn Thị Ngọc A và Nguyễn Tiến L có bản tự khai trình bày:

Hai cháu được Toà án thông báo về việc bố mẹ ly hôn, mẹ các cháu là bà Phạm Thị H đã đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, hai cháu sống với bố khoảng 4 năm từ năm 2011 đến 2015 trong thời gian này mẹ gửi tiền về cho bố để nuôi hai chị em, đến năm 2016 bố đánh và đuổi hai chị em ra khỏi nhà nên hai cháu đã đến nhà ông bà ngoại (ông C, bà P) ở trong khoảng 01 năm (từ đầu năm 2016-2017), thời gian này mẹ gửi tiền về cho cháu A để hai chị em có tiền ăn học, trung bình mỗi tháng 7 triệu đồng, bố không quan tâm các cháu trong thời gian này.

Đến đầu năm 2017 do bố say rượu đến gây gỗ nhà ông bà ngoại, vì không muốn bố đến làm phiền ông bà nên hai chị em đã về lại nhà ở với bố tại thôn N, từ đó đến nay hai chị em vẫn qua lại giữa nhà ông bà ngoại và nhà bố, hàng tháng mẹ vẫn gửi tiền về cho cháu A để hai chị em sinh hoạt.

Nguyện vọng của hai chị em sau khi bố mẹ ly hôn là được sống với mẹ nhưng hiện nay mẹ đang ở nước ngoài, cháu A đang học lớp 12 cần không gian yên tĩnh để nên hai cháu sẽ ở nhà bố cho đến khi cháu A học xong lớp 12 thì hai chị em sẽ về ở nhà ông bà ngoại chờ mẹ về.

Sau khi hai chị em qua ở nhà ông bà ngoại thì cháu A đã tròn 18 tuổi nên không cần bố cấp dưỡng, nhưng cháu L đang còn nhỏ nếu bố cấp dưỡng nuôi cháu thì hai cháu đồng ý, nếu bố không cấp dưỡng thì các cháu cũng không yêu cầu.

Ngày 30/8/2018 Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được thông báo số 01/2018/TB-QTD của quỹ tín dụng nhân dân N có nội dung: ngày 30/8/2018 ông Nguyễn Quốc T đã thanh cho Quỹ tín dụng nhân dân N xong số nợ gốc và lãi là 362.049.000 đồng.

Qua hai buổi hoà giải ngày 01/8/2018 và ngày 11/9/2018 nguyên đơn anh Nguyễn Quốc T và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn chị Phạm Thị H không thống nhất được với nhau về giá trị tài sản chung của vợ chồng nên ngày 04/10/2018 hai bên đã làm đơn yêu cầu thẩm định giá tài sản.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/11/2018: Diện tích đất sử dụng thực tế là 259,6m² với các cạnh:

- Mặt tiền hướng Nam: dài 8,6m (giáp đường giao thông)
- Cạnh phía Bắc: dài 18,2m (giáp đường giao thông)
- Cạnh phía Tây: dài 22,2m (giáp nhà bà Nguyễn Thị Ch)
- Cạnh phía Đông: dài 15m (giáp đất bà Ngh) + 7,2m (giáp đất ông Đ).
- Cạnh phía Nam dài 9,7 m (giáp đất bà Ngh chưa có hàng rào).

Trên đất có ngôi nhà 02 tầng lợp mái màu xanh nhạt, nhà bê tông cốt thép, nhà có diện tích 135,75m². Ngoài ra, còn có các tài sản: một tủ lạnh, hai xe gắn máy, một máy giặt, hai cái giường, một nồi cơm điện, ba bình nóng lạnh, 1 tivi. Theo bà P thì còn có một xuống máy (không có tài sản này khi thẩm định). Anh T khai đã bán để lo tiền viện phí khi bị tai nạn. Cả anh T và ông C đều không yêu cầu định giá những tài sản này.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 02/11/2018 định giá phần tài sản trên đất có giá trị 1.374.531.800 đồng (Một tỷ, ba trăm bảy mươi tư triệu, năm trăm ba mươi một ngàn, tám trăm đồng), gồm:

- Nhà hai tầng bê tông cốt thép xây năm 2014 có giá trị: 1.331.707.500 đồng;
- Mái che: 52,08m² có giá trị: 16.170.800 đồng;
- Hàng rào: + loại 1: 13,8 mét có giá trị: 5.152.000 đồng
+ loại 2 (chưa tô trát, sơn) 26,39 mét có giá trị: 6.550.200 đồng;
+ loại 3: 16,065mét có giá trị 5.509.700 đồng
- Am thờ: có giá trị: 2.649.000 đồng.
- Cổng sắt: 2,8m x 2,5m có giá trị: 2.940.000 đồng.
- Trụ cổng: 838.000 đồng.

+ Định giá đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Quốc T: Đất ở khu vực 2, vị trí 1 vùng ven: 90m² có giá trị: 106.920.000 đồng; Đất trồng cây hàng năm khác: 202,6m² có giá trị: 7.091.000 đồng. Tổng cộng: 114.011.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu, không trăm mười một ngàn đồng).

Tổng giá trị tài sản nhà, đất có giá: 1.488.542.800 đồng (Một tỷ, bốn trăm tám mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi hai ngàn, tám trăm đồng).

Tại phiên toà sơ thẩm, anh T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, đề nghị Toà giải quyết giao hai con (cháu A và cháu L) cho anh trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng 3 đến 4 triệu đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T đề nghị các bên thoả thuận về tài sản để tạo điều kiện thuận lợi cho các bên sau ly hôn.

Về tài sản chung: giữa anh T và đại diện theo uỷ quyền của chị H đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết tài sản, cụ thể: Giao cho anh T sử dụng, sở hữu nhà hai tầng và các công trình khác kèm theo như tường rào, cổng, mái che, am thờ làm trên đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Quốc T tại xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và chịu trách nhiệm thanh toán các khoản nợ chung của vợ chồng gồm tiền gốc 320.000.000 đồng và tiền lãi (khoản lãi trước đây đã trả cho quỹ tín dụng và lãi của số tiền

sau này vay ngoài để trả tiền cho quỹ tín dụng) tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 113.643.000 đồng, tổng cộng 433.643.000 đồng; Anh T có nghĩa vụ giao tiền chênh lệch tài sản cho chị Phạm Thị H số tiền 330.000.000 đồng. Chị H được nhận từ anh T số tiền chênh lệch tài sản 330.000.000 đồng.

Giữa anh T và đại diện theo uỷ quyền của chị H còn thoả thuận giao cho anh T tạm quản lý và sử dụng các tài sản còn lại gồm: một tủ lạnh, hai xe máy (01 xe Dream, một Airblack), một máy giặt, hai cái giường, một nồi cơm điện, ba bình nóng lạnh, 1 ti vi, chưa yêu cầu giải quyết. Sau này nếu có tranh chấp về phần tài sản này thì khởi kiện riêng.

Về khoản tiền nợ anh Y anh T trình bày anh tự trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Nguyễn Quốc T được ly hôn chị Phạm Thị H. Về con chung giao hai con của anh chị cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng, buộc chị H cấp dưỡng nuôi con theo luật định. Về tài sản, yêu cầu Tòa án công nhận sự thoả thuận của anh T và đại diện theo uỷ quyền của chị H. Về khoản nợ ông Y không chấp nhận là khoản nợ chung vợ chồng; không chấp nhận yêu cầu của bà Ch.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của đương sự và tiến hành thủ tục Ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hàn Quốc theo quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự. Bị đơn chị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bà Ch vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Quốc T và chị Phạm Thị H là hợp pháp. Do vợ chồng sống xa nhau, thiếu tin tưởng lẫn nhau nên phát sinh mâu thuẫn. Anh T và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đều có nguyện vọng xin được ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Quốc T, xử cho anh Nguyễn Quốc T được ly hôn chị Phạm Thị H.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có ba con chung, cháu Nguyễn Thị Kim O sinh ngày 23/10/1997, cháu Nguyễn Thị Ngọc A sinh ngày 27/3/2001, cháu Nguyễn Tiến L sinh ngày 04/10/2007. Cháu Nguyễn Thị Kim O đã trưởng thành

nên Toà án không xem xét. Xét nguyện vọng của hai cháu Nguyễn Thị Ngọc A và Nguyễn Tiến L tại phiên toà xin được sống với mẹ, Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện tại chị H đang ở xa không thể trực tiếp nuôi dưỡng các cháu được nên cần giao hai cháu cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Cần xử buộc chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu theo luật định cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Giữa anh T và đại diện theo uỷ quyền của chị H đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết tài sản. Sự thoả thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội cần được công nhận.

Về khoản vay của ông Nguyễn Văn Y 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) khoản vay này chị H và đại diện theo uỷ quyền của chị H không thừa nhận và không có chứng cứ chứng minh đây là nợ chung của vợ chồng nên không chấp nhận là nợ chung của vợ chồng. Tại phiên toà anh T cũng đã trình bày khoản vay này anh sẽ tự trả cho ông Nguyễn Văn Y, ông Y nhất trí. Sau này nếu anh T không trả, ông Y có quyền khởi kiện yêu cầu anh T trả nợ bằng một vụ án dân sự khác.

Về yêu cầu trả giá trị quyền sử dụng đất (đã cho tặng) của bà Ch, Hội đồng xét xử thấy rằng việc bà Ch tặng cho tài sản đối với anh T là hoàn toàn tự nguyện, không kèm điều kiện, vì vậy việc lấy tài sản chung của vợ chồng để đưa cho bà Ch theo yêu cầu của anh T là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.4]. Về án phí và các chi phí khác:

Anh T phải chịu án phí ly hôn theo luật định. Các đương sự phải chịu án phí có giá ngạch trên giá trị tài sản được nhận. Chị H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Về chi phí uỷ thác tư pháp: anh T phải chịu (đã chi cho việc uỷ thác); Chị H và anh T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mỗi người 1.000.000 đồng. Trả tại phiên toà cho mỗi bên 1.000.000 đồng tạm ứng chi phí thẩm định.

Ngày 12/12/2018, anh T có đơn xin miễn án phí dân sự có giá ngạch vì lý do bị tai nạn giao thông hạn chế khả năng lao động, có xác nhận của chính quyền địa P nên xem xét để giảm một phần án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho anh T.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, điểm b khoản 5 Điều 477, 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, xử: cho anh Nguyễn Quốc T ly hôn chị Phạm Thị H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A sinh ngày 27/3/2001, cháu Nguyễn Tiến L sinh ngày 04/10/2007 cho anh Nguyễn Quốc T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Chị H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con

chung mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 01 năm 2019 cho đến khi hai cháu Nguyễn Thị Ngọc A và Nguyễn Tiến L tròn 18 tuổi.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, anh T và chị H đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung: Công nhận sự thoả thuận của anh Nguyễn Quốc T và người đại diện theo uỷ quyền của chị Phạm Thị H, cụ thể: anh T được quyền sử dụng diện tích đất 292,6m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Quốc T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 013156 cấp ngày 12/3/2013 tại xã Q, thành phố Đồng Hới, được sở hữu nhà hai tầng và các công trình khác trên thửa đất nói trên kèm theo như tường rào, cổng, mái che, am thờ.

Anh T chịu trách nhiệm thanh toán các khoản nợ chung của vợ chồng gồm tiền gốc 320.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 113.643.000 đồng, tổng cộng 433.643.000 đồng. (Trước đây vay quỹ tín dụng nhân dân N, sau đó anh T đã vay mượn bên ngoài để trả xong nợ cho quỹ tín dụng N); Anh T có nghĩa vụ giao tiền chênh lệch tài sản cho chị Phạm Thị H số tiền 330.000.000 đồng. Chị H được nhận từ anh T số tiền chênh lệch tài sản 330.000.000 đồng.

Giữa anh T và đại diện theo uỷ quyền của chị H còn thoả thuận giao cho anh T tạm quản lý và sử dụng các tài sản còn lại gồm: một tủ lạnh, hai xe máy (01 xe Dream, một Airblack), một máy giặt, hai cái giường, một nồi cơm điện, ba bình nóng lạnh, 1 ti vi, chưa yêu cầu giải quyết. Sau này nếu có tranh chấp về phần tài sản này thì khởi kiện riêng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ch về việc đòi lại giá trị đất đã tặng cho anh Nguyễn Quốc T.

2. Về chi phí, án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 8.250.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch (anh T được miễn 50% số án phí có giá ngạch của số tiền 16.500.000 đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005033 ngày 17/10/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Số tiền án phí về tài sản có giá ngạch anh T phải nộp tiếp là 8.250.000 đồng.

- Chị H phải chịu 16.500.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch và chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. “Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.”

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm. Riêng chị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; bà Ch có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do toà tổng đạt.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THA DS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Từ Thị Hải Dương